

Số: 1533 /QĐ-ĐHHHVN-ĐT

Hải Phòng, ngày 23 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy
theo chương trình tiên tiến

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

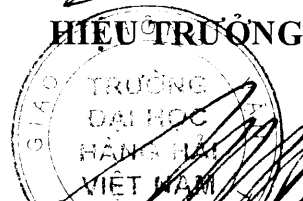
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo chương trình tiên tiến.**

Điều 2. Quy chế này áp dụng từ năm học 2019 - 2020 và thay thế cho Quy định trước đây về đào tạo đại học chính quy theo chương trình tiên tiến của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính, Đào tạo, Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Thanh tra & ĐBCL; Trưởng các Khoa, Viện, Bộ môn; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên hệ đại học chính quy theo chương trình tiên tiến chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các PHT (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.



PGS. TS. Phạm Xuân Dương

QUY ĐỊNH

Về đào tạo chương trình tiên tiến tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1533 /QĐ-ĐHHVN-ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thực tập và công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học chính quy đào tạo theo Chương trình tiên tiến (CTTT) của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; cụ thể hóa Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành và sửa đổi Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ phù hợp với hình thức đào tạo theo CTTT.

2. Việc tuyển sinh, thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng, tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp được thực hiện đáp ứng các quy định tại Quyết định 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015”.

3. Các nội dung không nêu trong quy định này được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo CTTT

Mục tiêu của chương trình đào tạo tiên tiến của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là nhằm đào tạo những sinh viên tốt nghiệp có khả năng thích ứng với sự thay đổi của cuộc sống và môi trường làm việc toàn cầu. Sinh viên được trải nghiệm môi trường giáo dục quốc tế với đội ngũ giảng viên đến từ nhiều quốc gia cùng tham gia giảng dạy với giảng viên Việt Nam.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo tiên tiến được thực hiện theo học chế tín chỉ. Chương trình được phát triển trên cơ sở chương trình đào tạo của trường đối tác nước ngoài và đáp ứng các quy định về giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Chương trình có yêu cầu về trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn theo hướng nâng cao, đề cao tư duy sáng tạo, khả năng tự học; tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết so với chương trình đại trà và các chương trình chất lượng cao khác.

2. Chương trình được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, ngoại trừ các khối kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên nước ngoài theo học CTTT được miễn học giáo dục quốc phòng an ninh, đối với khối kiến thức về lý luận chính trị được chuyển đổi tương đương bằng kết quả học các học phần Tiếng Việt 1, 2 và Cơ sở văn hóa Việt Nam.

3. Việc xây dựng, thẩm định, ban hành và cập nhật chỉnh sửa chương trình đào tạo được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

4. Căn cứ trên khung trình độ năng lực quốc gia và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng quy định khối lượng các chương trình đào tạo theo CTTT từ 135 - 145 tín chỉ.

5. Trong chương trình học năm đầu tiên, bên cạnh việc bố trí học tập các học phần về lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, Nhà trường tập trung đào tạo tiếng Anh cơ bản cho sinh viên với khối lượng từ 20 - 25 tín chỉ.

IELTS	TOEIC	TOEFL		Điểm học phần TACB 1, 2
		ITP	IBT	
5.5	600	513 ITP	65 IBT	84/100 (B+)
6.0	650	530 ITP	71 IBT	90/100 (A-)
6.5	700	550 ITP	79 IBT	95/100 (A)
7.0	750	568 ITP	87 IBT	100/100 (A+)

Sinh viên đạt chứng chỉ quốc tế IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương có thể làm thủ tục xin miễn học và thi với các học phần tiếng Anh cơ bản này và nhận điểm quy đổi như bảng trên.

Điều 4. Học phần, tín chỉ, học phí

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung của một học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng gồm 05 ký tự chính (dạng số) và một số ký tự cuối (dạng chữ) để phân biệt các loại hình đào tạo khác nhau. Đối với học phần chỉ dạy cho sinh viên thuộc CTTT, ký tự cuối là chữ A.

2. Các loại học phần

2.1. Phân loại học phần theo điều kiện học tập

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c) Học phần học trước đối với học phần B là học phần A mà sinh viên phải học trước (đã đăng ký học và được xác nhận học xong học phần A, có thể thi chưa đạt) mới được đăng ký học phần B.

d) Học phần song hành là các học phần mà sinh viên có thể học đồng thời.

e) Học phần tương đương và học phần thay thế.

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình của một khóa, một chuyên ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của chuyên ngành đào tạo.

Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do Khoa/Viện/Trung tâm chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho chương trình học trong quá trình tổ chức đào tạo.

2.2. Phân loại theo phương thức đánh giá học phần

a) Học phần loại I: là học phần có sử dụng điểm quá trình (điểm X) và điểm thi kết thúc học phần (điểm Y) để tính kết quả học tập.

b) Học phần loại II: là học phần không sử dụng điểm quá trình để tính kết quả học tập. Để được dự thi các học phần này, sinh viên phải đảm bảo các điều kiện học tập theo quy định riêng của từng học phần.

c) Học phần loại III: là học phần không sử dụng điểm thi kết thúc học phần để tính kết quả học tập. Điểm đánh giá quá trình được lấy để tính kết quả học tập.

3. Các học phần đặc biệt.

a) Học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN) và Giáo dục thể chất (GDTC).

Các học phần GDQP-AN và GDTC là các học phần không tích lũy tín chỉ, không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng sinh viên phải học và đạt yêu cầu mới đủ điều kiện tốt nghiệp cuối khóa.

b) Học phần thực tập.

Những học phần này nhằm bổ sung kiến thức thực tế và nâng cao tay nghề cho sinh viên khi thực tập tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở thực hành, thực nghiệm phù hợp với từng chuyên ngành.

c) Học phần khóa luận tốt nghiệp.

Để đăng ký học phần này, sinh viên phải học và có điểm tất cả các học phần khác trừ các học phần được thiết kế học song song với học phần khóa luận tốt nghiệp trong học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo.

4. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, xemina hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở hay 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Bài tập lớn là một bộ phận của học phần. Bài tập lớn có khối lượng là 1 tín chỉ. Đối với những học phần lý thuyết, thực hành hoặc thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

5. Một tiết học lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính bằng 50 phút.

6. Học phí là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần.

a) Học phí phải được đóng một lần cho cả học kỳ. Thời hạn đóng học phí thực hiện theo quy trình đăng ký học phần của CTTT hiện hành.

b) Học phí học kỳ = Tổng học phí của các học phần đăng ký học trong học kỳ.

Học phí của học phần = Số tín chỉ của học phần đăng ký * Đơn giá cho mỗi tín chỉ của loại học phần đó.

c) Đơn giá cho mỗi tín chỉ học phí của từng loại học phần được Nhà trường quy định theo năm học trên cơ sở các quy định hiện hành.

Điều 5. Thời gian hoạt động giảng dạy

1. Thời gian giảng dạy của Trường được tính từ 07h00 đến 22h00 hàng ngày và có thể bố trí vào Thứ Bảy, Chủ Nhật (tùy theo nhu cầu và điều kiện về giảng viên, cơ sở vật chất).

2. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường, Viện Đào tạo quốc tế (Viện ĐTQT) sắp xếp lịch đăng ký học tập, thời khóa biểu học tập và lịch thi kết thúc học phần cho phù hợp trong từng học kỳ, năm học.

Điều 6. Tuyển sinh

Theo phương thức tuyển sinh Đại học chính quy hàng năm của Nhà trường.

Chương II. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian, kế hoạch đào tạo và tổ chức lớp học

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian được thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Thời gian đào tạo của khóa học là 4,5 năm, tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập.

Khung thời gian đào tạo các chuyên ngành (tối thiểu, tối đa): từ 3,5 năm đến 6,5 năm.

2. Sau khi kết thúc năm thứ nhất, sinh viên tham dự kỳ thi IELTS nội bộ hoặc các kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế tương đương được công nhận. Sinh viên được bắt đầu học các môn chuyên môn bằng tiếng Anh khi đạt điều kiện yêu cầu về tiếng Anh là 4.0 IELTS hoặc tương đương.

3. Số học phần sinh viên theo học trong từng học kỳ được thiết kế theo chương trình đào tạo toàn khóa, tùy theo điều kiện và khả năng học tập của bản thân, sinh viên có thể đăng ký số lượng tín chỉ nhiều hoặc ít hơn mức chuẩn, theo hướng dẫn của Nhà trường.

4. Sinh viên phải đăng ký học phần, đóng học phí trong thời hạn quy định trong thông báo đăng ký học phần hàng kỳ của Viện ĐTQT.

5. Khi tổ chức lớp học, số lượng sinh viên trong từng lớp đảm bảo các điều kiện sau:

- Mỗi lớp thảo luận không quá 30 sinh viên;
- Mỗi nhóm thực hành không quá 15 sinh viên.

Điều 8. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên CTTT có thể đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện và thủ tục để học cùng lúc hai chương trình:

a) Đang là sinh viên hệ CTTT của Nhà trường và đã hoàn thành ít nhất một học kỳ. Không thuộc diện học lực yếu (điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) $\geq 2,0$). Không nợ học phí.

b) Sinh viên tự nguyện đăng ký học cùng lúc hai chương trình (theo mẫu) gửi về Phòng Đào tạo để Nhà trường xét tuyển.

Thời điểm xét tuyển hàng năm như sau:

- Đợt 1: trong tháng 4 (để kịp đăng ký học tập học kỳ phụ, học kỳ I);

- Đợt 2: trong tháng 10 (để kịp đăng ký học tập học kỳ II).

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc 2 chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất đạt dưới 2,00 thì phải dùng học thêm chương trình đào tạo thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.

5. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất cho chương trình thứ hai.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và làm đơn xin xét tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ 2.

7. Việc xét kết quả học tập của sinh viên (cảnh báo học tập, xét học bổng, ...) chỉ sử dụng kết quả học tập của các học phần thuộc chương trình đào tạo thứ nhất. Điểm các học phần riêng của chương trình đào tạo thứ hai không dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK), TBCTL hoặc bảo lưu điểm cho chương trình đào tạo thứ nhất, không dùng để xét học bổng mà chỉ dùng để tính điểm TBCTL cho chương trình đào tạo thứ 2.

8. Sinh viên vi phạm kỷ luật bị đình chỉ học tập 01 năm thì sẽ phải ngừng học ở chương trình thứ hai.

9. Sinh viên đang học hai chương trình phải sinh hoạt lớp và chịu sự quản lý của lớp sinh viên trong chương trình đào tạo thứ nhất theo đúng quy chế và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

10. Sinh viên phải đóng học phí cho các học phần riêng của chương trình đào tạo thứ 2 (kể cả các trường hợp học lại, cải thiện điểm, kỳ thi phụ ...) theo đơn giá tín chỉ quy định riêng cho đối tượng học cùng lúc 2 chương trình. Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí, chế độ học bổng đối với sinh viên đang học chương trình đào tạo thứ hai.

Điều 9. Điều kiện đối với giảng viên và trợ giảng

1. Giảng viên

1.1. Giảng viên Việt Nam

a) Giảng viên giảng dạy CTTT phải có trình độ thạc sĩ trở lên, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù).

Trong trường hợp đặc biệt, giảng viên thỉnh giảng có thể là các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến các nội dung của học phần, chuyên gia có thể tham gia giảng dạy 1 phần hoặc toàn bộ học phần.

b) Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm giảng dạy, đáp ứng yêu cầu của CTTT theo quy định.

c) Có trình độ tiếng Anh tương đương 6.5 IELTS trở lên, trừ các giảng viên giảng dạy các môn khoa học cơ bản, khoa học chính trị chỉ yêu cầu tiếng Anh tương đương 6.0 IELTS trở lên.

d) Đối với giảng viên chưa có trình độ tiến sĩ, yêu cầu giảng viên phải tham gia trợ giảng hoặc đồng giảng ít nhất 01 nhóm học phần trước khi đảm nhiệm độc lập học phần đó.

1.2. Giảng viên nước ngoài

Là giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài), hoặc các chuyên gia có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học trở lên, có bằng cấp chuyên môn phù hợp với học phần phụ trách, đáp ứng yêu cầu của CTTT tham gia giảng dạy các học phần được quy định. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù).

1.3. Danh sách giảng viên do Viện ĐTQT đề xuất trên cơ sở tham khảo ý kiến của các Khoa/Viện chuyên môn, trình Hiệu trưởng phê duyệt theo kế hoạch năm học. Trường hợp thay đổi, Viện ĐTQT phải có báo cáo và được sự đồng ý của Ban giám hiệu.

2. Trợ giảng

a) Căn cứ vào nhu cầu trợ giảng, nhu cầu đào tạo giảng viên và kế hoạch giảng dạy, các Bộ môn phụ trách các học phần gửi danh sách trợ giảng (nếu có) về Viện ĐTQT ít nhất 01 tuần trước khi đăng ký học phần. Thời gian hoạt động chuyên môn của trợ giảng được tính bằng tổng thời gian bố trí cho học phần theo quy định của chương trình đào tạo.

b) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần. sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

c) Nhà trường được phép sử dụng nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp CTTT đạt loại giỏi trở lên, có đủ năng lực chuyên môn, và ngoại ngữ như yêu cầu tham gia hoạt động trợ giảng.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền lợi của Giảng viên

1. Xây dựng lịch trình giảng dạy học phần theo mẫu quy định, đáp ứng các mục tiêu, chuẩn đầu ra trong mô tả môn học đã được ban hành, cập nhật. đồng thời có sự cập nhật, bổ sung các kiến thức, tài liệu, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, đánh giá tích cực, hiện đại nhằm phát huy tính chủ động của sinh viên.

2. Tổ chức giảng dạy và đánh giá lớp học phần được phân công theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch học tập và đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

3. Tăng cường ứng dụng các công nghệ, trang thiết bị giảng dạy và thực hành, thực nghiệm hiện đại. Chủ động hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, phương pháp trình bày, diễn đạt các ý tưởng khoa học.

4. Giới thiệu và cung cấp tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và hướng dẫn tra cứu các nguồn tài liệu cần thiết cho sinh viên nghiên cứu trước khi bắt đầu môn học.

5. Quản lý lớp học phần trong thời gian giảng dạy, chấp hành mọi Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Quy định của Nhà trường.

6. Tham gia hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật trong và ngoài trường.

7. Được đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý.

8. Được hưởng các chế độ ưu đãi dành cho giảng viên tham gia giảng dạy CTTT.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên chương trình tiên tiến

1. Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững chương trình giáo dục đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi nội quy, quy chế hiện hành đối với sinh viên hệ đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường. Sinh viên có thể liên hệ với Viện ĐTQT và các phòng ban chức năng liên quan để được hướng dẫn, tư vấn và giúp đỡ.

2. Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn của mỗi học kỳ để thực hiện các công việc theo đúng trình tự và đúng thời hạn. Thông tin chi tiết xem tại các bảng tin, website hoặc các kênh truyền thông khác của Nhà trường và Viện Đào tạo quốc tế.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên. đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện. đóng góp các ý kiến xây dựng Nhà trường, tham gia các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Thực hiện việc đăng ký học phần và đóng học phí theo đúng thời gian quy định. Mức học phí đối với CTTT được thông báo vào đầu năm học.

5. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký học, tham dự các kỳ kiểm tra thường kỳ, thi kết thúc học phần, tham gia thực hành, thí nghiệm đúng nhóm đã được xếp.

6. Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp vào bài giảng trong các học phần tham gia

7. Tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, hoạt động bảo vệ môi trường, chủ động tổ chức học tập, không ngừng rèn luyện đạo đức lối sống và thể chất phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành học.

8. Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, sáng tạo hoặc các hoạt động học thuật khác nhằm trau dồi phẩm chất và kiến thức chuyên môn.

9. Được học tập trong điều kiện tốt hơn so với chương trình đại trà, cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc tế.

10. Được học tập, nghiên cứu theo phương pháp giảng dạy tiên tiến, được giảng dạy, hướng dẫn bởi các giảng viên có chất lượng cao, đảm bảo các yêu cầu của CTTT.

11. Được đóng góp ý kiến về các nội dung: phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất theo từng học kỳ và từng năm học.

12. Được ưu tiên tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học và các chương trình trao đổi sinh viên trong nước và quốc tế trong khuôn khổ hoạt động Nhà trường..

13. Ưu tiên trong lựa chọn đề tài nghiên cứu, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

14. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi, chính sách học bổng khuyến khích học tập và các quyền lợi khác như sinh viên đại học hệ chính quy đại trà.

15. Được ưu tiên hỗ trợ trong việc tổ chức thực tập và tiếp cận doanh nghiệp.

Điều 12. Trách nhiệm của Viện Đào tạo quốc tế

1. Tổ chức đào tạo và quản lý CTTT trình độ đại học của Trường theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan của Trường.

2. Phối hợp với Phòng Đào tạo và các Phòng/Ban chức năng khác soạn thảo các quy định về đào tạo CTTT trình độ đại học, chính sách đối với giảng viên và sinh viên.

3. Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, Phòng/Ban chức năng mở các chuyên ngành mới CTTT khi đáp ứng yêu cầu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

4. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, lập thời khóa biểu, tổ chức đăng ký học tập, xây dựng lịch thi, tổ chức giảng dạy, phối hợp với Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và Khoa/Viện chuyên môn theo dõi tiến độ, hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng, kiểm tra và giám sát việc thực hiện theo quy định của Nhà trường đối với CTTT.

5. Thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học cụ thể sau:

Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước

- Ký hợp đồng thỉnh giảng và thanh toán cho giảng viên thỉnh giảng sau khi giảng viên hoàn thành công việc giảng dạy, đánh giá theo hợp đồng;

- Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo;

- In danh sách các lớp học phần gửi cho giảng viên;

- Tổ chức thi đánh giá học phần, phúc khảo;

- Nhận kết quả đánh giá từ giảng viên và nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

- Lưu trữ kết quả đánh giá học phần của giảng viên thỉnh giảng.

- Thực hiện đánh giá giảng viên thỉnh giảng.

Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

- Nhập kết quả đăng ký học phần, kết quả xử lý sinh viên nợ học phí vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

- In danh sách các lớp học phần gửi cho Bộ môn có giảng viên tham gia giảng dạy.

- Thông báo lịch thi đánh giá học phần cho các Khoa/Viện/Bộ môn.

- Phối hợp với Bộ môn tham gia nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

- Thực hiện đánh giá giảng viên và gửi kết quả đánh giá cho Khoa/Viện.

Thực hiện xét học bổng, xét cảnh báo học tập cho sinh viên thuộc CTTT.

Xác nhận khối lượng giảng dạy của các giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCKH cho sinh viên CTTT.

6. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh cho các chuyên ngành thuộc CTTT.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phát triển chương trình đào tạo, chỉnh sửa chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, phối hợp thực hiện kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo.

8. Làm đầu mối, phối hợp với Phòng Khoa học Công nghệ, Khoa/Viện chuyên môn, tổ chức, quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học, seminar, hội thảo và các hoạt động học thuật khác của sinh viên CTTT.

9. Là đầu mối phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn triển khai kế hoạch kết nối doanh nghiệp, lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo, tạo điều kiện cho sinh viên sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH.

10. Phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn trong việc phát triển nguồn giảng viên nước ngoài. Thực hiện các thủ tục và công tác liên quan đến việc mời giảng viên và hỗ trợ giảng viên nước ngoài đến giảng dạy cho CTTT.

11. Triển khai ký kết hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên, giảng viên thỉnh giảng, cố vấn học tập theo ủy quyền của Nhà trường. Trường hợp mở các lớp/khóa đào tạo ngoài chương trình thì phải được sự đồng ý của Nhà trường.

12. Phối hợp với Phòng Quan hệ quốc tế trong việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tổ chức các hoạt động trao đổi sinh viên và giảng viên CTTT, tuyển sinh sinh viên quốc tế.

13. Phổ biến kế hoạch giảng dạy, thời khoa biểu, các quy định liên quan đến học tập, công tác sinh viên, cảnh báo học tập, thôi học, công nhận tốt nghiệp theo quy định đối với sinh viên. công tác liên quan đến hoạt động của Đoàn - Hội.

14. Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên. công tác quản lý, phục vụ. điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên. Thông tin cho Khoa/Viện/Bộ môn và giảng viên thỉnh giảng để thực hiện các hoạt động cải tiến, đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

15. Các hoạt động khác phục vụ trực tiếp việc nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo CTTT.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Điều 13. Trách nhiệm của các Khoa/Viện chuyên môn

1. Quản lý chuyên môn đối với các chuyên ngành có CTTT bao gồm chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần.

2. Trực tiếp tham gia biên soạn, đánh giá, bổ sung, cập nhật chỉnh sửa, phát triển và hoàn thiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương học phần theo CTTT.

3. Thực hiện các hoạt động đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cụ thể sau:

Đối với các học phần sử dụng giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế thẩm tra, đánh giá trình độ năng lực chuyên môn của giảng viên thỉnh giảng;

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế trong việc đánh giá giảng viên thỉnh giảng;

- Cử giảng viên trợ giảng (nếu được yêu cầu).

Đối với các học phần sử dụng giảng viên thuộc Khoa/Viện chuyên môn

- Bố trí giảng viên thực hiện hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực tập, NCKH và quản lý chất lượng giảng viên;

- Tổ chức thi, đánh giá học phần, phúc khảo;

- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

Cử cán bộ, giảng viên thực hiện hướng dẫn, đánh giá sinh viên thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học.

4. Tiếp nhận thông tin phản hồi từ Viện ĐTQT về chương trình đào tạo, về các hoạt động đào tạo và thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo, đề cương học phần, bố trí, thay thế giảng viên ... nếu cần thiết.

5. Phối hợp với Viện ĐTQT và các đơn vị chức năng trong Trường trong việc kiểm định và nâng cao chất lượng đào tạo các CTTT.

6. Đề cử danh sách giảng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia vào CTTT, gồm: Giảng viên, trợ giảng, giảng viên hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, thành viên hội đồng bảo vệ thực tập, hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên hoặc các hội đồng chuyên môn khác, cố vấn học tập.

7. Phối hợp với Viện ĐTQT trong việc phát triển giảng viên CTTT thông qua các hoạt động cử giảng viên trợ giảng, tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

8. Phối hợp với Viện ĐTQT trong việc phát triển nguồn giảng viên thỉnh giảng nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn quốc tế

9. Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy trình và mục tiêu đào tạo của CTTT.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Nhà trường.

Điều 14. Trách nhiệm của các Khoa/Viện/Trung tâm khác tham gia giảng dạy CTTT

1. Bố trí giảng viên, giảng viên thỉnh giảng phù hợp với học phần được đề xuất.

2. Trực tiếp tham gia biên soạn, đánh giá, bổ sung, cập nhật chỉnh sửa, phát triển và hoàn thiện đề cương học phần đơn vị mình phụ trách. Đề xuất các sửa đổi chương trình đào tạo liên quan nếu những thay đổi đề cương học phần có ảnh hưởng đến chuẩn đầu ra, khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Thực hiện hoạt động đào tạo cụ thể như sau:

- Bố trí giảng viên thực hiện hoạt động giảng dạy;
- Phối hợp với Phòng Thanh tra & Đảm bảo chất lượng tổ chức thi, đánh giá học phần, phúc khảo;
- Phối hợp với Viện Đào tạo quốc tế nhập điểm đánh giá học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Nhà trường.

Điều 15. Cán bộ quản lý và cố vấn học tập

1. Các lớp học phần thuộc CTTT có bộ phận cán bộ quản lý và cố vấn học tập.

2. Cán bộ quản lý CTTT có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo. sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực giao tiếp và năng lực Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Cố vấn học tập phải nắm vững CTTT, quy định về đào tạo CTTT, có kinh nghiệm, thể hiện trách nhiệm cao và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập; có năng lực Tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc. thực hiện các báo cáo và thống kê theo quy định về công tác cố vấn học tập của Nhà trường.

Điều 16. Trách nhiệm của các Phòng chức năng

1. Phòng Đào tạo

- Chủ trì công tác tuyển sinh và xét tuyển đại học nói chung và CTTT nói riêng;
- Tham mưu ban hành các quyết định thành lập lớp, quyết định chuyển trường, chuyển ngành đào tạo;
- Thường trực hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường. tham mưu ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp. tập hợp dữ liệu tốt nghiệp gửi Nhà xuất bản Hàng hải in ấn văn bằng;
- Thường trực hội đồng xét cảnh báo học tập sau mỗi học kỳ. Lập danh sách sinh viên cảnh báo học tập mức 3 gửi Phòng Công tác sinh viên soạn quyết định buộc thôi học.

2. Phòng Thanh tra & Đảm bảo chất lượng

- Tổ chức và hướng dẫn các Khoa/Viện/Trung tâm và các bộ môn thực hiện công tác khảo thí. tiếp nhận và lưu trữ bảng mô tả phương thức tính điểm học phần từ các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn để kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. xử lý các trường hợp có sai sót hoặc khiếu nại có liên quan đến dữ liệu điểm thi;

- Chủ trì tổ chức thi tập trung đối với một số học phần theo phân cấp quản lý thi. Thường trực hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp;

- Thường trực tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng: công tác kiểm định chất lượng, công tác quản lý chất lượng, công tác thăm dò khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên;

- Tổ chức công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập trong phạm vi toàn Trường;

- Tiếp nhận, xử lý các khiếu nại, tố cáo đối với những hoạt động đào tạo và huấn luyện của giảng viên, sinh viên, đơn vị chức năng.

3. Phòng Công tác sinh viên

- Tham mưu ban hành các quyết định liên quan đến bảo lưu, nghỉ học tạm thời và quay trở lại học tập của sinh viên;

- Thường trực tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập của sinh viên;

- Thực hiện các công tác hỗ trợ sinh viên khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phối hợp với Phòng Đào tạo để tham mưu về đơn giá học phí theo từng học kỳ;

- Thực hiện việc quyết toán tài chính với Viện Đào tạo quốc tế.

Điều 18. Đánh giá học phần và xử lý kết quả học tập

1. Đánh giá học phần

Phương thức đánh giá các học phần trong CTTT đảm bảo tính linh hoạt, minh bạch, khách quan, phù hợp với từng học phần và tiệm cận với phương thức đánh giá học phần tại trường đối tác.

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên quy định và phải được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Đối với giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài hoặc người Việt ở nước ngoài

Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Giảng viên được quyền thay đổi phương pháp đánh giá mà không làm thay đổi chuẩn đầu ra học phần.

Đối với giảng viên trong nước

Thực hiện đánh giá học phần theo đề cương học phần đã được phê duyệt.

2. Cách tính điểm

a. Đối với các học phần Lý luận chính trị và các học phần thay thế cho các học phần Lý luận chính trị

$$Z = 0.5X + 0.5Y$$

Trong đó:

Z: Điểm đánh giá học phần;

X: Điểm quá trình học tập;

Y: Điểm thi kết thúc học phần.

Để được dự thi kết thúc học phần, SV phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 40$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$. Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 40 . Trường hợp $Y < 40$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 100.

b. Đối với học phần Tiếng Anh cơ bản

$$Z = 0.5X + 0.5Y$$

$$X = 0.8X_1 + 0.2X_2$$

$$X_2 = (1.5(X_{2.1} + X_{2.2} + X_{2.3} + X_{2.4}) + X_{2.5})/5$$

$$Y = (1.5(Y_1 + Y_2 + Y_3 + Y_4) + Y_5 + Y_6)/6$$

Trong đó:

- X: Điểm quá trình học tập;

X_1 : trung bình chung các kỹ năng được đánh giá bởi giảng viên trong quá trình học tập (bao gồm cả điểm chuyên cần);

X_2 : điểm thi giữa kỳ. $X_{2.1}$: điểm thi nói. $X_{2.2}$: điểm thi đọc. $X_{2.3}$: điểm thi viết. $X_{2.4}$: điểm thi nghe. $X_{2.5}$: điểm thi ngữ pháp);

- Y: Điểm thi kết thúc học phần, Y_1 : điểm thi nói. Y_2 : điểm thi đọc. Y_3 : điểm thi viết. Y_4 : điểm thi nghe. Y_5 : điểm thi ngữ pháp. Y_6 : điểm thi thuyết trình (market leader);

- Z: Điểm đánh giá học phần.

c. Đối với học phần chuyên môn học bằng tiếng Anh

$$Z = 0.1X + K_1Y_1 + K_2Y_2 + K_3Y_3$$

Trong đó:

$$K_1 + K_2 + K_3 = 0.9$$

Z: Điểm đánh giá học phần;

X: Điểm chuyên cần (chiếm 10%).

Y_1, Y_2, Y_3 : 03 điểm đánh giá của giảng viên như được quy định trong đề cương chi tiết học phần do giảng viên xây dựng và đã được duyệt (chiếm 90%: gồm bài kiểm tra giữa kỳ, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập nhóm, bài kiểm tra kết thúc...).

d. Đối với các học phần thực tập, khóa luận tốt nghiệp

$$Z = Y$$

Trong đó:

Z: Điểm đánh giá học phần;

Y: Điểm bảo vệ thực tập, bảo vệ khóa luận.

e. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất

Đánh giá theo mức Đạt và Không đạt như hệ đại học thông thường.

3. Hệ thống điểm áp dụng cho Chương trình tiên tiến:

Chất lượng học tập của sinh viên được đánh giá bằng một hệ thống điểm A-F. Cụ thể như

sau:

A+, A, A- : kết quả đạt được ở mức cao nhất, sinh viên giỏi;

B+, B, B- : kết quả khá;

C+, C, C- : kết quả trung bình, đáp ứng được yêu cầu khóa học;

D+, D, D- : kết quả đạt được thấp hơn yêu cầu môn học;

F: kết quả kém, không đáp ứng được yêu cầu khóa học (Trong trường hợp này sinh viên được thi lại 1 lần và nếu không đạt phải đăng ký học lại).

W (withdrawal): cho biết sinh viên đã được phép rút khỏi môn học.

Tương ứng với những phân hạng trên là điểm bình quân theo thang điểm 4 và thang điểm 100 cụ thể:

Thang điểm 100	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
96-100	A+	4,0
91-95	A	4,0
85-90	A-	3,7
81-84	B+	3,3
76-80	B	3,0
71-75	B-	2,7
66-70	C+	2,3
61-65	C	2,0
55-60	C-	1,7
51-54	D+	1,3
46-50	D	1,0
40-45	D-	0,7
0-39	F	0,0

Sinh viên phải tham dự tất cả các buổi học trừ các trường hợp vắng mặt được cho phép, điều này tùy thuộc vào đánh giá của cố vấn học tập mà với mỗi môn học có một chế độ thời gian hợp lý, ngoại trừ các môn học bắt buộc phải đi thực tế bên ngoài doanh nghiệp. Quy định thời gian nghỉ cho phép theo quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường. Sinh viên không đáp ứng được yêu cầu về mặt thời gian lên lớp nhận điểm $Z = 0$.

Chương III. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 19. Khóa luận tốt nghiệp

1. Để hoàn thành chương trình đào tạo, mỗi sinh viên đăng ký và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

2. Sinh viên đã học và đủ điều kiện dự thi tất cả các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và có điểm trung bình chung tích lũy từ 1,80 trở lên, không nợ học phí (riêng học phần thực tập tốt nghiệp nhà trường cho phép đăng ký học song hành với khóa luận tốt nghiệp) được đăng ký thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

3. Quy trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp áp dụng tương tự như đối với khóa luận tốt nghiệp của đại học thông thường.

Điều 20. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Điều kiện xét tốt nghiệp

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b. Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d. Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC. Sinh viên nước ngoài được miễn học GDQP-AN.

e. Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ IELTS 6.0 hoặc tương đương, tin học MOS (word ≥ 200 và excel ≥ 700) và điểm rèn luyện.

f. Đạt 05 chứng chỉ kỹ năng mềm (bao gồm Kỹ năng khám phá và lãnh đạo bản thân; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng phỏng vấn tìm việc thành công; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo) do Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức hoặc phối hợp tổ chức. Sinh viên nước ngoài được miễn các chứng chỉ kỹ năng mềm.

2. Tiến độ xét tốt nghiệp

Thực hiện các nhiệm vụ theo tiến độ sau:

Đợt xét	Thời hạn nộp chứng chỉ CDR	Cấp khoa/viện	Cấp trường	Lễ phát bằng tốt nghiệp
Đợt 1	Trước 10/12	Trước 31/12	Trước 05/01	Tháng 1 <i>hoặc</i> Tháng 2
Đợt bổ sung lần 1	Trước khi kết thúc thi HK I	03 tuần sau khi thi HKI	04 tuần sau thi HKI	<i>Không tổ chức</i>
Đợt 2	Trước 10/6	Trước 30/6	Trước 05/7	Tháng 8
Đợt bổ sung lần 2	Trước khi kết thúc thi HK phụ	03 tuần sau khi thi HK phụ	04 tuần sau khi thi HK phụ	<i>Không tổ chức</i>

Điều 21. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính và chuyên ngành đào tạo. Sinh viên hệ đào tạo CTTT đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy, loại hình đào tạo chương trình tiên tiến. Mẫu phôi bằng theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời in thêm dòng chữ “Chương trình tiên tiến”. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

Xếp loại	Điểm trung bình chung tích lũy
Xuất sắc (Excellent)	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi (Very Good)	Từ 3,20 đến 3,59
Khá (Good)	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình (Ordinary)	Từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại Xuất sắc, Giỏi sẽ bị giảm xuống một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có số tín chỉ của các học phần phải học lại, học cải thiện vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

- Đã từng bị cảnh báo học tập trong khóa học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng “Kết quả học tập” theo từng học phần và có 03 cột điểm (thang điểm 100, thang điểm 4 và thang điểm chữ). Hệ thống phần mềm quản lý điểm sẽ lưu vết toàn bộ các điểm X, Y, Z của quá trình học lại nhưng trong bảng “Kết quả học tập” cuối khóa chỉ thể hiện điểm cao nhất trong các lần thi.

4. Sinh viên học cùng lúc 02 chương trình đào tạo, nếu đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Quy chế này đối với chương trình đào tạo thứ 2 thì được nộp đơn đăng ký xét tốt nghiệp chương trình thứ 2 sau khi đã tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ nhất.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ GDQP-AN và GDTC, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 05 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp CTTT, nếu có nguyện vọng được xem xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học vừa làm vừa học tương ứng khi đáp ứng các điều kiện tốt nghiệp đối với CTĐT vừa làm vừa học.

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Thực hiện quy chế đào tạo chính quy

Đào tạo đại học Chương trình tiên tiến là một nhiệm vụ đặc biệt của đào tạo chính quy. Ngoài các quy định nêu trên, việc tổ chức và quản lý đào tạo sinh viên theo loại hình Chương trình tiên tiến được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ năm học 2019-2020.

Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở đóng góp của các tập thể, cá nhân./.



PGS.TS. Phạm Xuân Dương